

HỢP TÁC XÃ DƯỢC LIỆU NGHĨA ĐÀN

ĐC: Xóm Thanh Hoa, xã Nghĩa Thọ, Tỉnh Nghệ An.

**HỒ SƠ CÔNG BỐ
TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG**

Sản phẩm: CAO AN XOA

Nghĩa Thọ, năm 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 30/DLND/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: HỢP TÁC XÃ DƯỢC LIỆU NGHĨA ĐÀN
Địa chỉ: Xóm Thanh Hoa, xã Nghĩa Thọ, Tỉnh Nghệ An.
Giấy đăng ký: Số 2902148128, cấp ngày 23/9/2022 do Phòng Tài chính – KH,
UBND huyện Nghĩa Đàn cấp.
Điện thoại: 0967936116
Email: htxduoclieunghiadan@gmail.com
Mã số thuế: 2902148128
Chứng nhận Haccp: 30/CN-T Đ C-HT-40-0001 cấp ngày 22/12/2023, do Công Ty
TNHH Công Nghệ NHONHO cấp.
Chứng nhận ISO 22000:2018: 6202440103, cấp ngày 02/07/2024 do Tổ chức
chứng nhận Quốc tế EFC cấp.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: CAO AN XOA
2. Thành phần: An xoa hoa tím 96%, mật ong 4%
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:
 - Hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất
 - Ngày sản xuất (NSX), hạn sử dụng (HSD) được ghi trên nhãn sản phẩm.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
 - Quy cách đóng gói: 100g/lọ hoặc theo yêu cầu khách hàng.
 - Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lọ thủy tinh sạch và đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (Đính kèm phụ lục)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

- Hợp tác xã Dược Liệu Nghĩa Đàn đảm bảo yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:
- Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Y tế quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm (các loại trà).
 - QCVN 8-1:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
 - QCVN 8-2:2011/BYT Quy định giới hạn về kim loại nặng trong thực phẩm (chè và sản phẩm chè).
 - QCVN 8-3:2012/BYT quy định giới hạn tối đa ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Nghĩa Đàn, ngày 28 tháng 4 năm 2026

GIÁM ĐỐC HTX



Ngô Quang Cảnh

Nhãn dự thảo

CAO AN XOA

- * Thành phần: An xoa hoa tím 96%, mật ong 4%.
- * Hướng dẫn sử dụng: Mỗi lần dùng pha 1 thìa cà phê cao với 300-500ml nước nóng 70-90°C
- * Thông tin cảnh báo: Bảo quản đúng cách. Không dùng sản phẩm đã hết hạn.
- * Bảo quản: Bảo quản nơi thoáng mát, ở thời tiết nắng nóng bảo quản tốt nhất trong ngăn mát tủ lạnh để đảm bảo chất lượng của cao.
- * KLT: 100g
- * NSX:
- * HSD: 24 tháng kể từ ngày sản xuất
- * Sản xuất và chịu trách nhiệm sản phẩm: Hợp tác xã Dược Liệu Nghĩa Đàn
- * Địa chỉ: Xóm Thanh Hoa, xã Nghĩa Thọ, Tỉnh Nghệ An.
- * Số công bố: 30/DLND/2026
- * Xuất xứ: Việt nam
- * Điện thoại: 0967936116

Thành phần dinh dưỡng trong 100g sản phẩm:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
1	Năng lượng	kcal/100g	196
2	Hàm lượng carbohydrat	g/100g	46,4
3	Hàm lượng chất đạm	g/100g	2,54
4	Đường tổng số	g/100g	34,1
5	Natri	mg/100 g	36,5



Nhãn phụ dự thảo

CAO AN XOA

- * Thành phần: An xoa hoa tím 96%, mật ong 4%.
 - * Hướng dẫn sử dụng: Mỗi lần dùng pha 1 thìa cà phê cao với 300-500ml nước nóng 70-90°C
 - * Thông tin cảnh báo: Bảo quản đúng cách. Không dùng sản phẩm đã hết hạn.
 - * Bảo quản: Bảo quản nơi thoáng mát, ở thời tiết nắng nóng bảo quản tốt nhất trong ngăn mát tủ lạnh, đặc biệt là khi đã mở nắp lọ cao.
 - * KLT: 100g
 - * NSX:
 - * HSD: 24 tháng kể từ ngày sản xuất
 - * Sản xuất và chịu trách nhiệm sản phẩm: Hợp tác xã Dược Liệu Nghĩa Đàn
 - * Địa chỉ: Xóm Thanh Hoa, xã Nghĩa Thọ, Tỉnh Nghệ An.
 - * Phân phối bởi: CÔNG TY TNHH SX TM TH
- Địa chỉ: 120/69/03 Nguyễn Thiện Thuật, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
- Mã số thuế: 4202027019
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, đăng ký lần đầu ngày 25/6/2025, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 28/7/2025, do Phòng Quản lý doanh nghiệp – Sở Tài Chính tỉnh Khánh Hoà cấp.
- * Số công bố: 30/DLND/2026
 - * Xuất xứ: Việt nam
 - * Điện thoại:

Thành phần dinh dưỡng trong 100g sản phẩm:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
1	Năng lượng	kcal/100g	196
2	Hàm lượng carbohydrat	g/100g	46,4
3	Hàm lượng chất đạm	g/100g	2,54
4	Đường tổng số	g/100g	34,1
5	Natri	mg/100 g	36,5





Số: 28784/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

1. Tên mẫu: Cao An Xoa
2. Mã số mẫu: 04265694/DV.1
3. Nơi gửi mẫu: HỢP TÁC XÃ DƯỢC LIỆU NGHĨA ĐÀN
Địa chỉ: Xóm Thanh Hoa, Xã Nghĩa Thọ, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam
4. Ngày nhận mẫu: 10/04/2026
5. Số lượng mẫu: 01 mẫu
6. Thời gian kiểm nghiệm: 10/04/2026 - 25/04/2026
7. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong lọ thủy tinh, 100 g/lọ. Thông tin mẫu đánh máy, viết tay, dán trên lọ. Số lượng: 2. NSX: 08/04/2026 - HSD: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.
Nhà sản xuất: Hợp tác xã dược liệu Nghĩa Đàn
8. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
9. Kết quả kiểm nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.1*	Coliforms	TCVN 6848:2007	CFU/g	< 10
9.2*	<i>E. coli</i>	TCVN 7924-2:2008	CFU/g	< 10
9.3*	<i>Salmonella</i> spp.	TCVN 10780-1:2017	/25g	Âm tính
9.4*	Tổng số nấm men	TCVN 8275-2:2010	CFU/g	< 10
9.5*	Tổng số nấm mốc	TCVN 8275-2:2010	CFU/g	< 10
9.6*	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	TCVN 4884-1:2015	CFU/g	< 10
9.7	Cảm quan	NIFC.05.M.199	-	Dạng đặc sệt, màu nâu sẫm, mùi đặc trưng của sản phẩm
9.8	Hàm lượng Carbohydrat (không bao gồm Chất xơ)	NIFC.02.M.410 (Ref. AOAC 2020.07)	g/100g	46,4
9.9	Hàm lượng Chất đạm	NIFC.02.M.03	g/100g	2,54
9.10	Hàm lượng Đường tổng số (Fructose, Glucose, Galactose, Sucrose, Maltose, Lactose)	NIFC.02.M.13 (HPLC-RID)	g/100g	34,1
9.11	Hàm lượng Tro không tan trong acid	NIFC.02.M.05	g/100g	KPH (LOD: 0,01)
9.12	Hàm lượng Tro tổng	NIFC.02.M.05	g/100g	3,03
9.13	Năng lượng (tính từ Carbohydrate (không bao gồm Chất xơ), Chất béo, Chất đạm)	NIFC.02.M.06	kcal/100g	196
9.14*	Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2)	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	µg/kg	KPH (LOD: 0,5)
9.15*	Hàm lượng Arsen tổng số	NIFC.03.M.45 (Ref. AOAC 2015.01)	mg/kg	0,046
9.16*	Hàm lượng Cadmi	NIFC.03.M.45 (Ref. AOAC 2015.01)	mg/kg	0,045



TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.17*	Hàm lượng Chì	NIFC.03.M.45 (Ref. AOAC 2015.01)	mg/kg	0,072
9.18*	Hàm lượng Natri	NIFC.03.M.19 (ICP-OES)	mg/100g	36,5
9.19*	Hàm lượng Thủy ngân	NIFC.03.M.45 (Ref. AOAC 2015.01)	mg/kg	KPH (LOD: 0,004)
9.20*	Hàm lượng Chất béo	NIFC.02.M.04	g/100g	KPH (LOD: 0,01)
9.21*	Hàm lượng Chlorpyrifos-methyl	NIFC.04.M.229 (GC-MS/MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,005)
9.22*	Hàm lượng Cypermethrin	NIFC.04.M.229 (GC-MS/MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,005)
9.23*	Hàm lượng Fenitrothion	NIFC.04.M.229 (GC-MS/MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,005)
9.24*	Hàm lượng Flucythrinate	NIFC.04.M.229 (GC-MS/MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,005)
9.25*	Hàm lượng Methidathion	NIFC.04.M.229 (LC-MS/MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,0015)
9.26*	Hàm lượng Permethrin	NIFC.04.M.229 (GC-MS/MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,005)
9.27*	Hàm lượng Propargite	NIFC.04.M.229 (LC-MS/MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,0015)

10. Ghi chú:

10.1 (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025; (P) - Phép thử được chỉ định bởi cơ quan quản lý/Method is designated by the regulatory authority.

10.2. (-) Không áp dụng/Not applicable

10.3. KPH - Không phát hiện/ ND - No detected; LOD - Giới hạn phát hiện của phương pháp thử/ The detection limit of the method; LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử/ Limit of quantification of the method; eLOD₅₀ là giới hạn phát hiện LOD₅₀ ước tính với xác suất phát hiện là 50%/ estimated limit of detection at 50%.

10.4. Không được trích dẫn một phần hoặc toàn bộ kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of National Institute for Food Control.

10.5. Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia chỉ chịu trách nhiệm về kết quả kiểm nghiệm của mẫu thử. Các thông tin về tính xác thực và độ tin cậy của mẫu do khách hàng cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm/ National Institute for Food Control is only responsible for the testing results of the sample. Sample information has been provided by the customer, who is also responsible for the authenticity and validity of the sample.

10.6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

NGÀY 15-06-2026

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG
LANG VĂN TIẾN

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2026

TU. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỜNG KHOA
DINH DƯỠNG VÀ PHỤ GIA THỰC PHẨM



CÔNG CHỨNG VIÊN
Lang Văn Tiến



TS. Vũ Thị Trang